



**BioClean-D™
Overboots BDOB-L**

Longer-length protective overboots, for more complete personal protection

- **Added protection:** At 500mm in length, BioClean-D™ Overboots BDOB-L are longer than the standard alternative, offering wearers more comprehensive personal protection
- **Reduced contamination risks:** These protective overboots are also made from CleanTough™ low-linting material, minimizing contamination risks when entering the cleanroom environment
- **Optimized fit:** With tie fastenings at the top and at ankle level, they are easy to wear and offer a secure, adjustable fit
- **Enhanced features:** These overboots' slip-resistant sole feature ensures added security, preventing potential workplace injuries



Key Features and Benefits

- ◊ **Longer length (500mm):** For greater protective coverage
- ◊ **Low-linting lightweight material:** Lower contamination risks
- ◊ **Tie fastenings and slip-resistant sole:** Secure fit and safe use

Các ngành công nghiệp

- Môi trường được kiểm soát chính xác
- Chế tạo và Sản xuất
- Sản xuất dược phẩm
- Sản xuất công nghệ sinh học
- Sản xuất thiết bị y tế
- Phòng thí nghiệm và Nghiên cứu





BioClean-D™ Overboots BDOB-L

TECHNICAL DATA SHEET

PRODUCT INFORMATION

Màu sắc	Trắng
Tiêu chuẩn kiểm nghiệm	Manufacturing QMS Audit Standards ISO 9001, PPE Regulation 2016 425 Module D
Tiêu chuẩn	ASTM F739, Partial Body Protection Only, CE 0598, EN 1149-5:2018, EN 13934-1, EN 13935-2, EN 6530, Tiêu chuẩn EN 7854, Tiêu chuẩn EN 863, Tiêu chuẩn EN 9073-4, Tiêu chuẩn EN ISO 13688:2013, Tiêu chuẩn EN ISO 14325, Hạng III, EN 13034:2005 + A1:2009, UKCA
Tổng quan về bao bì	30 pieces per sealed inner PE bag; one inner bag per sealed outer PE bag; five outer bags per lined carton (150 pieces) More sustainable packaging: Packed in recyclable plastic packaging and delivered in recycled cardboard shipper cases. Inner and outer bags and liner are made from polyethylene (PE) based film. Always check your local recyclable status as these materials may not be considered suitable for recycling in your location.
Loại phòng sạch	Loại 10/ISO 4
Thời hạn sử dụng	5 years

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM RƠI HẠT

KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ
Rơi hạt (Thử nghiệm trống Helmke)	$\geq 0.5Q_m$ (số đếm/phút) <2000

KẾT QUẢ PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM ASTM F739-12

DƯỢC PHẨM	Thời gian đột phá trung bình (MBT), phút Breakthrough of the test chemical is deemed to have occurred when the permeation rate has reached 0.1 Qg/cm ² /min
CISPLATIN	>240
CARMUSTINE	<6
CYCLOPHOSAMIDE	217 (275,162,215)
DOXORUBICINHYDROCHLORIDE	>240
5-FLUOROURACIL	>240
METHOTREXATE	>240
ETOPOSIDE	>240
PACLITAXEL	<10
THIOTEPA	30 (28,30,33)

Kết quả đạt được trong điều kiện được kiểm soát của phòng thí nghiệm, do phòng thí nghiệm bên ngoài được công nhận thực hiện.

BIỂU ĐỒ KÍCH THƯỚC

Universal



BioClean-D™ Overboots BDOB-L

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ĐẶC TÍNH VẬT LIỆU

KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ	LỚP HIỆU SUẤT	PERFORMANCE STANDARD
Chống mài mòn	>10 cycles	1	EN 12947-2
Chống nứt do uốn cong	>50,000 cycles	6	EN ISO 7854
Chống đâm thủng	>5 N	1	ISO 13996
Cường độ chịu xé hình thang Hướn ngang máy (CD)	EN ISO 9073-4	1	
Cường độ chịu xé hình thang Hướn dọc máy (MD)	>10 N	1	EN ISO 9073-4
Độ bền kéo Hướn ngang máy (CD)	>30 N	1	EN ISO 13934-1
Độ bền kéo Hướn dọc máy (MD)	>30 N	1	EN ISO 13934-1
Khả năng chống thấm chất lỏng - 30% H ₂ O	>90%	3	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - 10% NaOH	>90%		ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - O-Xylene	>80%	2	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - Butan-1-ol	>90%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - 30% H ₂ O	<1%	3	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - 10% NaOH	<1%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - O-Xylene	<1%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - Butan-1-ol	<1%	3	ISO 6530
Độ bền đường may ²	>50 N		
Thời gian bán phân rã điện tích tĩnh, t _{sub>50</sub> (giây)}	PASS		EN1149-3

1. Seam not destroyed

2. The material is static dissipative. Tested in accordance with EN1149-5

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG

	KÍCH THƯỚC	Universal
BDOB-L	MÃ SỐ ĐẶT MUA LẠI	BDOB-L

Tiêu chuẩn Hiệu suất và Tuân thủ Quy định



CE 0598



TYPE PB (6)

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web www.ansell.com của chúng tôi, hoặc gọi cho chúng tôi theo số

Khu vực Châu Âu, Trung Đông & Châu Phi

Ansell Healthcare Europe NV
Điện thoại: +32 (0) 2 528 74 00
Fax: +32 (0) 2 528 74 01

Khu vực Châu Á Thái Bình Dương

Ansell Global Trading Center
Điện thoại: +603 8310 6688
Fax: +603 8310 6699

Khu vực Bắc Mỹ

Ansell Healthcare Products LLC
Số điện thoại tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0444
Số fax tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0445
Số điện thoại tại CA: +1-800-363-8340

Khu vực Mỹ Latinh & Caribe

Ansell Commercial Mexico S.A. de C.V.
Điện thoại: +52 442 248 1544 / 248 3133

Australia

Ansell Limited
Điện thoại: +61 1800 337 041
Fax: +61 1800 803 578

Vương quốc Anh

Ansell Nitritex
Điện thoại: +44 1638 663338
Fax: +44 1638 668890



Ansell, ® và ™ là các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Ansell Limited hoặc một trong các công ty liên kết của công ty này. Bằng sáng chế Hoa Kỳ và Bằng sáng chế Hoa Kỳ và không thuộc Hoa Kỳ đang chờ xử lý: www.ansell.com/patentmarking © 2025 Ansell Limited. Đã đăng ký Bản quyền.

Tài liệu này cũng như bất kỳ tuyên bố nào khác được đưa ra ở đây bởi hoặc thay mặt cho Ansell đều không được hiểu là sẽ bảo đảm khả năng bán được hoặc rằng bất kỳ sản phẩm nào của Ansell đều phù hợp cho một mục đích cụ thể nào đó. Ansell không chịu trách nhiệm về sự phù hợp hoặc đúng đắn của sự lựa chọn gắng tay của người dùng cuối cho một ứng dụng cụ thể.

Vui lòng xem gói xác thực sản phẩm hoặc liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng của Ansell để biết dữ liệu cụ thể về việc sử dụng sản phẩm may mặc dành cho thuốc gây độc tế bào. Sản phẩm may mặc được sử dụng để phòng chống lại các loại thuốc này phải được lựa chọn riêng cho loại hóa chất được sử dụng.

